

Bản án số: 14 /2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 28/4/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 1 năm 2021, về việc: Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX – ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1992

HKTT: Thôn 16, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai

Chỗ ở hiện nay: 105/2A2, tổ 7, khu phố 7, phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1982

HKTT: Xóm 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chị H và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/1/2021, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

- Hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/6/2015.

Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ của vợ chồng không hòa hợp, sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần ly thân sau đó lại quay về chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Phạm Hoàng A, sinh ngày 23/11/2015. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu sống cùng chị H. Nay ly hôn nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tổng đạt trực tiếp các thủ tục tố tụng cho anh Lê Văn T, anh T có mặt ở nhà, trực tiếp nhận tất cả các thông báo của Tòa án nhưng không có bản tự khai và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Văn T theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt

Căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, cấp ngày 02/6/2015. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ của vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Văn T.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Phạm Hoàng A, sinh ngày 23/11/2015. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H là chính đáng, vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Hoàng A sống cùng mẹ, điều kiện ăn ở, sức khỏe và học tập của cháu đều tốt. Hiện tại chị Hoài có nơi ở, công việc ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.497.700đ.

Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị H, do đó để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu Hoàng A nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản:

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điều 227, điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Văn T.

- **Về con chung:** Giao cháu Lê Phạm Hoàng A, sinh ngày 23/11/2015 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0004338 ngày 20/1/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS T;
- C.cục thi hành án DS T;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan

